

Bản án số: 201/2021/DS-PT

Ngày: 18/11/2021

V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Phước Thanh**

*Các thẩm phán:* Ông **Vũ Thanh Liêm** và ông **Võ Ngọc Thông**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** Ông Đặng Thọ Định, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 271/2021/TLPT- DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 06/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 227/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Võ Doãn N, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt

**Bị đơn:** Ông Võ Doãn K, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Võ Thị D, sinh năm 1935; vắng mặt

+ Ông Võ Doãn L, sinh năm 1956; có mặt

+ Ông Võ Doãn L, sinh năm 1958; có mặt

+ Bà Võ Thị N, sinh năm 1963; có mặt

+ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1956; có mặt

+ Chị Võ Thị H, sinh năm 1981; có mặt

- + Anh Võ Doãn Q, sinh năm 1984; vắng mặt
- + Anh Võ Doãn H, sinh năm 1984; vắng mặt
- + Anh Võ Doãn D, sinh năm 1991; vắng mặt
- + Anh Võ Doãn P, sinh năm 1992; vắng mặt
- + Chị Võ Thị L, sinh năm 1979; có mặt

Những người có quyền lợi liên quan đều ở tại địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; riêng anh Võ Doãn Q ở tại: thành phố Hồ Chí Minh; chị Võ Thị H, anh Võ Doãn H, anh Võ Doãn D, anh Võ Doãn P đang đi lao động tại nước ngoài. Bà Võ Thị D và bà Võ Thị N ủy quyền cho ông Võ Doãn N tham gia tố tụng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Doãn N (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Bố mẹ nguyên đơn là cụ Võ Doãn P, sinh năm 1915 và cụ Võ Thị C, sinh năm 1923, hai cụ sinh 05 người con, gồm: Bà Võ Thị D (chết lúc còn nhỏ chưa có gia đình), ông Võ Doãn K (chết năm 2009 có vợ là bà Bùi Thị T và 07 người con gồm Võ Doãn K, Võ Thị A đã chết lúc còn nhỏ, Võ Thị H, Võ Doãn Q, Võ Doãn H, Võ Doãn D và Võ Doãn P), ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn N và bà Võ Thị N. Cụ Võ Doãn P chết năm 1995, cụ Võ Thị C chết năm 2010; cụ Võ Doãn P có 03 con riêng gồm: Bà Võ Thị D, bà Võ Thị M chết khi chưa có gia đình và ông Võ Doãn L. Cụ Võ Thị C không có con riêng, hai cụ không có con nuôi, hai cụ không để lại di chúc. Di sản hai cụ để lại 01 nhà ở cấp 4 đã hư hỏng gắn liền với quyền sử dụng 430m<sup>2</sup> đất (200 m<sup>2</sup> đất ở và 230 m<sup>2</sup> đất vườn) tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12 xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Trước đó nguyên đơn sống chung cùng bố mẹ là cụ Võ Doãn P, cụ Võ Thị C và đã làm 01 nhà cấp 4 nhưng do vợ nguyên đơn chết, các con đau ốm không ở được nên nguyên đơn không sống chung cùng bố mẹ mà đi làm nhà ở chỗ khác. Sau đó thấy anh trai là Võ Doãn K đông con không có chỗ ở nên nguyên đơn cùng bố mẹ và các anh chị em trong gia đình nhất trí cho anh Võ Doãn K ở với điều kiện vợ chồng cháu K phải nuôi cụ Võ Thị C nhưng anh Võ Doãn K ở được một thời gian thì đi làm nhà ở chỗ khác, hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nguyên đơn đang giữ nhưng con gái nguyên đơn không có chỗ ở, do đó nguyên đơn cho vợ chồng con gái về ở tại thửa đất của bố mẹ từ năm 2015 cho đến nay. Để đảm bảo quyền lợi nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo luật định.

- Anh Võ Doãn K (viết tắt bị đơn) thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, số con của hai cụ, thời điểm cụ P, cụ C chết và di sản do hai cụ để lại là quyền sử dụng 430 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12 xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã được UBND Q cấp GCNQSDĐ số B977084 ngày 24/10/1992. Tài sản trên đất có 01 nhà cấp 4 do bố mẹ bị đơn xây dựng cho ông bà nội ở từ năm 1992 với sự nhất trí của các cô, chú, bác trong gia đình với mục đích sau khi bị đơn xây dựng gia đình về sống chung cùng ông bà. Năm 1998, bị đơn kết hôn

chị Võ Thị L, năm 1999 vợ chồng bị đơn sống chung cùng bà nội Võ Thị C với sự nhất của bà nội và các cô, chú, bác là con của ông bà nội đến năm 2009, do hoàn cảnh của bị đơn khó khăn nên bố, mẹ bị đơn đón bà nội về nhà chăm sóc. Quá trình sinh sống bị đơn đã cải tạo lại nhà bố mẹ bị đơn làm trên đất của ông bà nội và xây tường rào bao quanh thửa đất. Bị đơn có lời di chúc của ông bà nội ghi lại tại băng cassette, 01 bản gốc giấy chuyển nhượng của bà nội Võ Thị C cho bị đơn có xác nhận của UBND xã A, huyện Q. Bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vì đơn đã ở và giữ gìn di sản thừa kế.

- Bà Võ Thị D, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn L và bà Võ Thị N là nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về số con chung, con riêng của cụ P, cụ C, thời gian hai cụ chết, hai cụ không để lại di chúc; di sản thừa kế do hai cụ để lại là 430m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12 xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ ngày 24/10/1992. Để đảm bảo quyền lợi của mình Bà D, ông L, ông L và bà N đề nghị chia di sản thừa kế theo quy định và nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho nguyên đơn ông Võ Doãn N.

Tại phiên tòa bà Bùi Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về số con chung, con riêng của cụ P, cụ C, thời gian hai cụ chết; di sản thừa kế do hai cụ để lại là 430m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12 xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện Q cấp GCNQSDĐ ngày 24/10/1992; bà và ông Võ Doãn K có 07 người con chung, ông K chết năm 2009. Đối với nhà cấp 4 và nhà bếp hiện tại trên thửa đất của cụ P, cụ C do vợ chồng bà xây dựng từ năm 1992, vì vợ chồng bà là con trưởng, theo ý nguyện của cụ P, cụ C và thống nhất của các anh chị em trong gia đình, nên vợ chồng bà làm nhà để cụ P, cụ C ở, sau đó giao cho anh Võ Doãn K là cháu đích tôn ở và làm nơi thờ cúng tổ tiên, ông bà, nhà do vợ chồng bà làm mới hoàn toàn. Năm 1998, anh Võ Doãn K kết hôn và năm 1999 được sự nhất trí của cụ C và anh chị em trong dòng tộc vợ chồng anh Võ Doãn K về sống chung cùng bà nội Võ Thị C và sửa lại nhà ở từ năm 1999, đến năm 2015 thì xây hàng rào. Do vợ chồng anh K con còn nhỏ, kinh tế khó khăn nên thời gian cuối đời của cụ Võ Thị C vợ chồng bà nuôi dưỡng cho đến lúc chết. Nay nguyên đơn khởi kiện bà không nhất trí vì cụ Võ Doãn Phiến, cụ Võ Thị C và các anh chị em trong gia đình trước đây đã nhất trí giao cho vợ chồng anh Võ Doãn K, đối với nhà ở tại đất của của cụ P, cụ C vợ chồng bà đã cho vợ chồng con trai Võ Doãn K nên mọi việc do anh Võ Doãn K quyết định. Nếu Tòa án giải quyết chia thừa kế thì phải xem xét giao nhà ở và giá trị tường rào, công sức giữ gìn di sản thừa kế cho vợ chồng anh Võ Doãn K.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 7 năm 2020 anh Võ Doãn P trình bày: Anh là con trai của ông Võ Doãn K, bà Bùi Thị T, anh nhất trí với trình bày của bị đơn về tên bố mẹ và anh chị em trong gia đình và thời gian chết của ông Võ Doãn K là năm 2009. Di sản thừa kế của cụ P, cụ C đã di chúc lại cho anh Võ Doãn K nên anh đề nghị Tòa án xem xét.

Chị Võ Thị H, anh Võ Doãn Q, anh Võ Doãn H, anh Võ Doãn D và chị Võ Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có bản tự khai và không tham gia tố tụng.

***Từ nội dung nêu trên,***

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 13/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 37, Điều 227, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95, Điều 99, khoản 2 Điều 106, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 616, Điều 618, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 652 và Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015; tiết 4 điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Võ Doãn N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Võ Doãn P, cụ Võ Thị C tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 526, tờ bản đồ số 5) xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Ông Võ Doãn N được chia 216,6 m<sup>2</sup> đất (100 m<sup>2</sup> đất ở, 116 m<sup>2</sup> trồng cây hàng năm) tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 526, tờ bản đồ số 5) xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Diện tích đất được chia như sau: Phía Đông Bắc giáp thửa đất của ông Võ Doãn H từ điểm 2 đến điểm 3 trong sơ đồ dài 17,45 mét; phía Tây Nam giáp đường vào khu dân cư từ điểm 4 đến điểm 5 dài 18,22 mét; phía Đông Nam giáp thửa đất ông Võ Doãn L từ điểm 3 đến điểm 4 dài 12,09 mét; phía Tây Bắc giáp thửa đất chia cho anh Võ Doãn K từ điểm 2 đến điểm 5 dài 12,22 mét.

3. Anh Võ Doãn K được chia 197,9 m<sup>2</sup> đất (100 m<sup>2</sup> đất ở, 97,9 m<sup>2</sup> trồng cây hàng năm) tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 526, tờ bản đồ số 5) xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Diện tích đất được chia như sau: Phía Đông Bắc giáp thửa đất của ông Võ Doãn H từ điểm 1 đến điểm 2 trong sơ đồ dài 16,60 mét; phía Tây Nam giáp đường vào khu dân cư từ điểm 5 đến điểm 6 dài 15,60 mét; phía Đông Nam giáp thửa đất chia cho ông Võ Doãn N từ điểm 2 đến điểm 5 dài 12,22 mét; phía Tây Bắc giáp đường giao thông liên thôn từ điểm 1 đến điểm 6 dài 12,39 mét. Nhưng anh Võ Doãn K có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị T 288.559 đồng, giá trị 4,230 m<sup>2</sup> đất (2,041 m<sup>2</sup> đất ở, 2,176 m<sup>2</sup> đất vườn) và trả cho chị Võ Thị H, anh Võ Q D, anh Võ Doãn H, anh Võ Doãn D và anh Võ Doãn P mỗi người 699.832 đồng, giá trị 1 1,138 m<sup>2</sup> đất (5,374 m<sup>2</sup> đất ở, 5,571 m<sup>2</sup> đất vườn).

4. Ông Võ Doãn N được sở hữu 30,31 mét hàng rào phía Tây nam, Đông Nam thửa đất được chia (hàng rào do vợ chồng anh K xây dựng nên ông N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh Võ Doãn K, chị Võ thị L 38.039.000 đồng giá trị hàng rào. Anh Võ Doãn K được quyền sở hữu nhà cấp 4, nhà bếp đã xây dựng trên diện tích đất được chia (nhà do bố mẹ anh K xây dựng); anh K có nghĩa vụ trả cho ông Võ Doãn N 4.135.000 đồng, giá trị của 31,428 m<sup>2</sup> đất ở và 24,358 m<sup>2</sup> trồng cây hàng năm.

Có sơ đồ đính kèm.

5. Ông Võ Doãn N và anh Võ Doãn K có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký biến động đất đai theo diện tích được chia và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, lãi chậm trả, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, bà Võ Thị D, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn N và bà Võ Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, với lý do:

- Bị đơn không có công sức bảo quản và tôn tạo di sản nhưng chia cho bị đơn một phần thừa kế là không đúng.

- Bị đơn chỉ được hưởng một suất thừa kế và đã bỏ đi nơi khác nhưng chia cho bị đơn được nhận nhà và đất ở là không phù hợp và hiện nay con gái ông N đang sinh sống ổn định tại nhà đất tranh chấp từ năm 2014 cho đến nay.

- Bị đơn xây dựng hàng rào từ năm 2009 đến nay đã quá lâu và đã thụt lún, nứt nẻ, xuống cấp nghiêm trọng nhưng định giá 1.300.000 đồng/m<sup>2</sup> không đúng giá trị thực tế.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Bình có Quyết định kháng nghị số 1696/QĐKNPT-VKS-DS; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; giao toàn bộ nhà đất tranh chấp cho nguyên đơn ông Võ Doãn N và ông N có nghĩa vụ bồi trả giá trị cho các đồng thừa kế, cho ông K giá trị tường rào.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Võ Doãn N không rút đơn khởi kiện; bà Võ Thị D, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn N và bà Võ Thị N giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 1696/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Bình.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:*

[1] Nội dung vụ án:

[1.1] Cụ Võ Doãn P có 08 người con, cụ thể:

- Cụ Võ Doãn P và cụ Võ Thị C có 05 người con chung gồm: Võ Thị D (chết lúc còn nhỏ), Võ Doãn K, Võ Doãn L, Võ Doãn N, Võ Thị N. Ông Võ Doãn K chết

ngày 10/1/2009; có vợ là Bùi Thị T và 07 người con gồm: Võ Doãn K, Võ Thị A (*đã chết*), Võ Thị H, Võ Doãn Q, Võ Doãn H, Võ Doãn D, Võ Doãn P.

- Cụ Võ Doãn P có 03 người con riêng, gồm: Võ Thị D, Võ Thị Minh (*chết lúc còn nhỏ*) và Võ Doãn L.

[1.2] Cụ P chết ngày 18/02/1995, cụ C chết ngày 16/02/2010 không để lại di chúc. Do đó, di sản của Cụ Võ Doãn P và cụ Võ Thị C được chia theo pháp luật.

Hàng thừa kế của cụ Võ Doãn P gồm có ông Võ Doãn K, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn N, Võ Thị N, Võ Thị D và ông Võ Doãn L.

Hàng thừa kế của cụ Võ Thị C gồm có ông Võ Doãn K, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn N và Võ Thị N.

Ông Võ Doãn K chết, những người con gồm ông Võ Doãn K, ông Võ Thị H, ông Võ Doãn Q, ông Võ Doãn H, ông Võ Doãn D, ông Võ Doãn P và vợ ông K là bà Bùi Thị T được hưởng phần di sản của ông Võ Doãn K.

[1.3] Di sản của cụ Võ Doãn P và cụ Võ Thị C để lại gồm:

Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 977081 do UBND huyện Q cấp ngày 20/10/1992, thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12, diện tích 430m<sup>2</sup> (*đo đạc thực tế theo Biên bản xem xét thẩm định ngày 02/6/2021 là 414,5m<sup>2</sup>*) tại Thôn H, xã A, Q, Quảng Bình.

Sau khi cụ C mất nhà không ai ở nên ông Võ Doãn N cho con gái đến ở cho đến nay.

[1.4] Bản án sơ thẩm đã chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo yêu cầu khởi kiện. Sau khi xét xử sơ thẩm các đồng thừa kế trong vụ án không có kháng cáo và không bị kháng nghị về hàng thừa kế, về thời điểm mở thừa kế và về di sản.

[2] Về kháng cáo và kháng nghị:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ Quyết định kháng nghị. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự; HĐXX cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 1696/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Bình.

[2.2] Theo lời trình bày của các đương sự cho thấy: Ông Võ Doãn K (*cha ông Võ Doãn K*) là con trai trưởng trong gia đình nên vào năm 1992, khi nhà của cụ P, cụ C bị hư hỏng; được sự nhất trí của hai cụ và chị em trong gia đình vợ chồng ông Võ Doãn K đã xây dựng lại nhà: “*Phần tài sản do bố mẹ K xây dựng*”, “*Nhà cửa của ông K xây*” (vợ chồng ông K, bà T khai cho vợ chồng anh K năm 1998) và năm 1999, vợ chồng anh K về ở chung với cụ P, cụ C đã tu sửa lại nhà và chăm lo cuộc sống cho cụ P, cụ C: “*Trước lúc cháu K ở, lời ông nội nói K ở thì phải nuôi mẹ...K ở được vài năm ...*”, “*Vợ chồng K tu bổ lại nhà đó*”; đến năm 2010, sau khi cụ C mất, vợ chồng anh K đi ở riêng nơi khác. Đồng thời, theo Biên bản xem xét thẩm định ngày 02/6/2021 thể hiện tường rào dài 45,91m là của vợ chồng anh K đã xây dựng.

Như vậy, vợ chồng anh K có công tôn tạo nhà ở để cho cụ P, cụ C có nơi ở ổn định, xây dựng tường rào để quản lý đất thừa kế và chăm sóc cụ C hơn 11 năm (1999-2010) là đã có công sức. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức cho anh K 1/7 di sản của cụ P và 1/5 di sản của cụ C là có căn cứ và theo đúng qui định tại Điều 618, 658 Bộ luật dân sự.

[2.3] Quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Võ Doãn N và các đồng thừa kế là ông Võ Doãn L, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D và ông Võ Doãn L thừa nhận năm 1992 đã thống nhất cho vợ chồng ông Võ Doãn K tôn tạo lại nhà ở để cho anh K quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng tổ tiên và tại các lời khai của ông L: “*nó (K) không thỏa thuận phân chia tài sản trong gia đình*”; bà N: “*anh chị em trong gia đình họp lại để ông N làm đơn chia di sản của cha mẹ để anh chị em nhường lại cho con ông N để con ông có mảnh đất để làm nhà*”; ông L: “*Hiện con gái anh N hoàn cảnh rất khó khăn, tàn tật...Tôi đề nghị anh K hòa giải giao cho cháu một phần đất để cho Nhà nước hỗ trợ làm nhà.*”; tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Doãn L thừa nhận sau khi có tranh chấp thì: “*Sau đó chúng tôi họp gia đình 6 người thống nhất chia mảnh đất đó làm 2, cho K nửa trên mặt tiền, cho ông N nửa dưới ...*” và yêu cầu vợ chồng anh K thỏa thuận nội dung này. Đã thể hiện các ông, bà Võ Doãn N, ông Võ Doãn L, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D và ông Võ Doãn L chấp nhận giao cho anh K một nửa diện tích đất tranh chấp. Hơn nữa, chỉ có nguyên đơn ông Võ Doãn N và bị đơn ông Võ Doãn K có yêu cầu nhận hiện vật là quyền sử dụng đất. Cho nên, Tòa án sơ thẩm quyết định chia cho anh Võ Doãn K được nhận 197,9m<sup>2</sup> đất (100m<sup>2</sup> đất ở, 97,9m<sup>2</sup> trồng cây hàng năm) tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12 là phù hợp với ý chí và yêu cầu của các đồng thừa kế.

Theo lời khai của nguyên đơn ông Võ Doãn N và các đồng thừa kế là ông Võ Doãn L, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D và ông Võ Doãn L thì hiện tại nhà và đất đang do gia đình bà Võ Thị Nha (bà Nha là con ông Võ Doãn N) quản lý, sử dụng nhưng như đã nhận định trên; nhà và các công trình trên đất là của ông K, con ông N chỉ ở nhờ tạm, không phải là đồng thừa kế được hưởng di sản và không có chứng cứ thể hiện có sửa chữa, tôn tạo thêm. Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, ông N tham gia nhưng không có ý kiến về sửa chữa, tôn tạo thêm tài sản tranh chấp được con ông N sửa chữa, tôn tạo thêm; Tại phiên tòa phúc thẩm lời khai của các đương sự thể hiện tài sản của gia đình bà Võ Thị Nha trên diện tích đất tranh chấp gồm: 02 tấm tôn xi măng che chắn nuôi gà, 01 bồn cầu tạm và không sử dụng đất. Do đó, giao nhà cho anh K là đúng pháp luật. Ông Võ Doãn N đã có nơi ở riêng nhưng được Tòa án cấp sơ thẩm chia giao 216,6m<sup>2</sup> đất (100m<sup>2</sup> đất ở, 116,6m<sup>2</sup> trồng cây hàng năm) tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12 là đã tạo điều kiện thuận lợi cho gia đình ông N, cho con ông N có nơi ở.

[2.4] Hội đồng định giá tài sản theo Quyết định số 830/2021/QĐ-ĐG ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình được thành lập, thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo qui định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên định giá của Hội đồng định giá ngày 02/6/2021, các ông Võ Doãn N và Võ Doãn K đều có tham gia ký vào Biên bản, không có ý kiến về giá thể hiện sự đồng ý với mức giá đối

với 45,91m tường rào (*có kháng cáo*) do Hội đồng định giá quyết định; sau khi định giá các ông bà Võ Doãn L, Võ Doãn N, Võ Thị N và Võ Doãn L có đơn đề nghị xem xét lại giá trị định giá của các tài sản trên đất tranh chấp thừa kế (*vì cho rằng quá cao*), đề nghị của các ông L, N, L và bà N đã được Tòa án cấp sơ thẩm trả lời và hướng dẫn việc định giá lại tại Công văn số 1288/TAND ngày 13 tháng 7 năm 2021. Kháng cáo cũng cho rằng định giá giá trị 45,91m tường rào là quá cao nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc định giá không khách quan và kết quả định giá không chính xác, không phù hợp với giá thị trường theo quy định tại khoản 5 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự nên không có cơ sở để xem xét, định giá lại.

Tài sản có tranh chấp và được giao cho người khác nên phải tính giá trị thực tế mới bảo đảm sự công bằng và bảo đảm được quyền lợi của các đương sự trong vụ án nên yêu cầu áp dụng chế độ khấu hao tài sản theo quy định của Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính là không phù hợp và không chính xác.

[3] Từ các nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị D, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn N, bà Võ Thị N.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ Thị D, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn N, bà Võ Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Võ Thị D, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn L và bà Võ Thị N là người trên 60 tuổi, có hoàn cảnh khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm; Ông Võ Doãn N là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (*được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 02733 ngày 27/9/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình*).

[5] Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị D, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn N, bà Võ Thị N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 95, Điều 99, khoản 2 Điều 106, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 616, Điều 618, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 652 và Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội; xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Võ Doãn N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Võ Doãn P, cụ Võ Thị C tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12 (*nay là thửa đất số 526, tờ bản đồ số 5*) xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.



2. Ông Võ Doãn N được chia 216,6m<sup>2</sup> đất (100 m<sup>2</sup> đất ở, 116,6 m<sup>2</sup> trồng cây hàng năm) tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 526, tờ bản đồ số 5) xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Diện tích đất được chia có vị trí như sau: Phía Đông Bắc giáp thửa đất của ông Võ Doãn H từ điểm 2 đến điểm 3 trong sơ đồ dài 17,45 mét; phía Tây Nam giáp đường vào khu dân cư từ điểm 4 đến điểm 5 dài 18,22 mét; phía Đông Nam giáp thửa đất ông Võ Doãn L từ điểm 3 đến điểm 4 dài 12,09 mét; phía Tây Bắc giáp thửa đất chia cho anh Võ Doãn K từ điểm 2 đến điểm 5 dài 12,22 mét.

3. Anh Võ Doãn K được chia 197,9m<sup>2</sup> đất (100m<sup>2</sup> đất ở, 97,9 m<sup>2</sup> trồng cây hàng năm) tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 526, tờ bản đồ số 5) xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Diện tích đất được chia có vị trí như sau: Phía Đông Bắc giáp thửa đất của ông Võ Doãn H từ điểm 1 đến điểm 2 trong sơ đồ dài 16,60 mét; phía Tây Nam giáp đường vào khu dân cư từ điểm 5 đến điểm 6 dài 15,60 mét; phía Đông Nam giáp thửa đất chia cho ông Võ Doãn N từ điểm 2 đến điểm 5 dài 12,22 mét; phía Tây Bắc giáp đường giao thông liên thôn từ điểm 1 đến điểm 6 dài 12,39 mét. Nhưng anh Võ Doãn K có nghĩa vụ bồi trả cho bà Bùi Thị T giá trị của 4,230 m<sup>2</sup> đất là 288.559 đồng (*giá trị của 4,230 m<sup>2</sup> đất*) và bồi trả cho chị Võ Thị H, anh Võ Q D, anh Võ Doãn H, anh Võ Doãn D và anh Võ Doãn P mỗi người là 699.832 đồng (*giá trị của 11,138 m<sup>2</sup> đất*).

Gia đình bà Võ Thị Nha (*bà Nha là con ông Võ Doãn N*) có nghĩa vụ tháo dỡ các tài sản đã xây dựng trên đất được giao cho anh Võ Doãn K.

4. Ông Võ Doãn N được sở hữu 30,31 mét hàng rào phía Tây nam, Đông Nam thửa đất được chia; ông N có nghĩa vụ bồi trả cho vợ chồng anh Võ Doãn K, chị Võ thị L giá trị hàng rào là 38.039.000 đồng (*ba mươi tám triệu, không trăm ba mươi chín ngàn đồng*).

Anh Võ Doãn K được quyền sở hữu nhà cấp 4, nhà bếp đã xây dựng trên diện tích đất được chia; anh K có nghĩa vụ trả cho ông Võ Doãn N 4.135.000 đồng (*bốn triệu, một trăm ba mươi lăm ngàn đồng*).

*Sơ đồ diện tích thửa đất được chia kèm theo bản án sơ thẩm.*

5. Ông Võ Doãn N và anh Võ Doãn K có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký biến động đất đai theo diện tích được chia và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

6. Bà Võ Thị D, ông Võ Doãn L, ông Võ Doãn L và bà Võ Thị N được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Võ Doãn N là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; ông N được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 02733 ngày 27/9/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

7. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, lãi chậm trả và quyền nghĩa vụ thi hành án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Phước Thanh**